

Số: 114 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2020

TRUNG TÂM THÔNG TIN

Số: 690
ĐẾN Ngày: 21-07-2020
Chuyên: TTK đang
Số và ký hiệu HS:

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý
cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1

Thực hiện Quyết định số 180/QĐ-TTr ngày 03/6/2020 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, từ ngày 22/6/2020 đến hết ngày 25/6/2020, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 180/QĐ-TTr nêu trên đã tiến hành thanh tra tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1; thời kỳ thanh tra từ 01/01/2018 đến thời điểm thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/7/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 (sau đây viết tắt là Cơ sở).

2. Quyết định thành lập

Tiền thân Cơ sở là “Trường Giáo dục đào tạo và Giải quyết việc làm số 1”, ngày 02/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4120/QĐ-UBND về việc tổ chức lại “Trường Giáo dục đào tạo và Giải quyết việc làm số 1” thành “Cơ sở cai nghiện ma túy số 1” trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Địa chỉ trụ sở

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 2, xã Đắc R’Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.
- Văn phòng liên lạc tại Thành phố Hồ Chí Minh: số 708 đường Lạc Long Quân, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Địa chỉ liên lạc

- Điện thoại: 0359 640 004
- Địa chỉ Email: cscn1.tnxf@tphcm.gov.vn

5. Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Cơ quan chủ quản: Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chức năng, nhiệm vụ: Là Cơ sở điều trị nghiện ma túy bắt buộc, với chức năng tiếp nhận và điều trị nghiện cho người nghiện ma túy giới tính là Nam theo quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền, của Cơ sở ban hành để thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, cai nghiện ma túy

- Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tệ nạn ma túy trên địa bàn, Hội đồng nhân dân, UBND, Sở LĐTBXH Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, ngành, cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn trong việc triển khai, thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn ma túy nói chung và các quy định về quản lý, cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy nói riêng (*chi tiết tại Phụ lục Danh mục văn bản kèm theo*).

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Giám đốc Cơ sở đã ban hành các văn bản về quản lý, điều hành hoạt động của Cơ sở; chế độ quản lý, học tập, rèn luyện, sinh hoạt của học viên và các văn bản có liên quan (*chi tiết tại Phụ lục Danh mục văn bản kèm theo*).

2. Về cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất

2.1. Cơ cấu tổ chức

2.1.1. Ban giám đốc gồm: Giám đốc và 03 Phó giám đốc

2.1.2. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ: Cơ sở có 04 phòng chức năng và 07 bộ phận trực thuộc gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Giáo dục - Tư vấn, Phòng y tế, Đội Bảo vệ, Đội Quản lý - Giáo dục học viên số 1, Đội Quản lý - Giáo dục học viên số 2, Đội Quản lý - Giáo dục học viên số 3, Khu quản lý - Giáo dục học viên Quảng Tân, Khu quản lý - Giáo dục học viên Kiến Thành, Đội Sản xuất - Dịch vụ đời sống.

2.1.3. Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động: 201 người (175 nam, 26 nữ), trong đó: 01 công chức; 151 viên chức; 43 người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; 06 lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật lao động.

2.1.4. Về trình độ đào tạo: Trên đại học 02 người, đại học 115 người, cao đẳng 18 người, trung cấp 29 người, sơ cấp 10 người, chưa qua đào tạo 27 người.

2.1.5. Thực hiện chế độ đối với công chức, viên chức, người lao động

- Cơ sở đã thực hiện chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp; nâng lương định kỳ, nâng lương trước thời hạn theo quy định; phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, phụ cấp thu hút, phụ cấp trực y tế; các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ thai sản, nghỉ phép, nghỉ bù, nghỉ các ngày lễ trong năm, chi khen thưởng, phúc lợi cho công chức, viên chức, người lao động theo quy định. Tuy nhiên, Cơ sở chưa thực hiện chi trả phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy theo Điều 7 Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức, và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp công lập (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2016/NĐ-CP*).

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho công chức, viên chức; 02 lần/năm đối với người lao động làm ở bộ phận bếp ăn, bộ phận y tế và bộ phận kinh doanh dịch vụ.

2.2. Cơ sở vật chất

2.2.1. *Điều kiện về vị trí, môi trường:* Cơ sở có diện tích trải rộng trên địa bàn xã ĐắkRtìh, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức và xã Kiến Thành, huyện ĐắkR'lấp, tỉnh Đắk Nông. Khu hành chính, điều hành đóng tại thôn 2, xã ĐắkRtìh, huyện Tuy Đức. Các khu nhà ở, sinh hoạt của học viên có tường rào bao quanh tách biệt với khu dân cư; không gian rộng rãi, thoáng mát, nhiều cây xanh; đường nội bộ sạch sẽ, đi lại thuận tiện; hệ thống điện, nước phục vụ sinh hoạt ổn định.

2.2.2. *Diện tích đất sử dụng, diện tích xây dựng, các hạng mục công trình:* Tổng diện tích đất của sử dụng của Cơ sở là 545 ha, trong đó diện tích xây dựng là 77.341 m² bao gồm 17 hạng mục (*chi tiết các hạng mục công trình xây dựng tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

2.2.3. Vệ sinh, môi trường

a) Quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế

- Đối với chất thải sinh hoạt: Cơ sở thu gom hàng ngày, phân loại và xử lý bằng phương pháp chôn lấp tại khu vực quy hoạch riêng của Cơ sở.

- Đối với chất thải y tế: Cơ sở trang bị lò đốt INCINERATOR8 Mode I8-10S, rác thải y tế được cơ sở thu gom và xử lý bằng hình thức đốt; tro, xỉ sau khi đốt được thu gom chôn lấp tại khu vực quy hoạch riêng của Cơ sở.

b) Về quản lý, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải có diện tích 351 m², công suất xử lý 200 m³/ngày đêm, nước thải sinh hoạt được thu gom về trạm, xử lý bằng phương pháp sinh học.

- Nước thải chăn nuôi: Đối với trại chăn nuôi lợn thịt, Cơ sở sử dụng phương pháp thu gom về các hồ sinh học, với 07 hồ có diện tích khoảng 0,76 ha, chiều sâu khoảng 0,5 -1,5 mét, có 01 mương thủy lợi chảy ngang qua trại chăn nuôi thuận lợi khi thay nước cũng như điều hòa lượng nước trong hồ. Đối với trại chăn nuôi lợn sinh sản, Cơ sở xử lý bằng phương pháp sử dụng công nghệ biogas.

- Đã thực hiện quan trắc, thống kê, lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường theo Điều 9 Thông tư Liên tịch số 22/2012/TTLT-BLĐTĐBXH-BTNMT ngày 09/5/2012 do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn quản lý và bảo vệ môi trường trong cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Thông tư Liên tịch số 22/2012/TTLT-BLĐTĐBXH-BTNMT).

2.2.4. *Việc bố trí nơi khám chữa bệnh, học tập, dạy nghề, lao động, nơi ăn ở, sinh hoạt văn hóa thể thao, phòng kỹ luật, phòng cắt con, phòng thăm gặp thân nhân học viên*

- Khu y tế phục vụ điều trị cắt con, khám chữa bệnh cho học viên được bố trí riêng biệt, cách xa nơi ở của học viên, với tổng diện tích 5.584 m², tại trụ sở chính

(khu hành chính, điều hành) có Phòng y tế; tại các Đội/Khu quản lý - Giáo dục học viên có Phòng khám bệnh, phát thuốc đảm bảo khám bệnh, phát thuốc điều trị kịp thời cho học viên.

- Tại mỗi Đội/Khu quản lý - Giáo dục học viên, Cơ sở bố trí 01 phòng để học tập về nội quy, quy chế và nơi sinh hoạt tập trung.

- Cơ sở có khu nhà xưởng lao động trị liệu diện tích 7.680 m², gồm 07 nhà xưởng. Khu dạy nghề có diện tích 945 m², gồm 16 phòng học.

- Phòng ở của học viên rộng rãi, sạch sẽ, có khu vệ sinh khép kín.

- Về sinh hoạt văn hóa, thể thao: Trong mỗi Đội/Khu quản lý học viên có sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bàn bida, phòng sinh hoạt văn nghệ, phòng đọc sách.

- Cơ sở bố trí 02 phòng kỹ luật cách ly đối với học viên vi phạm.

- Khu học tập, dạy nghề: Cơ sở bố trí 14 phòng học (07 phòng học tại trụ sở chính và 07 phòng học tại khu Quản lý - Giáo dục học viên xã Quảng Tân).

- Khu lao động sản xuất: 01 xưởng gia công hạt điều, 03 xưởng làm mây tre đan và các khu trồng trọt, chăn nuôi.

- Khu thăm gặp và nhà chờ với 24 phòng, tổng diện tích 1.781 m², được bố trí gần cổng chính, giải quyết khoảng 120 lượt người thăm/lần; trường hợp học viên đang điều trị tại Phòng y tế mà không đủ sức khỏe để ra khu thăm gặp hoặc đang bị bệnh truyền nhiễm phải cách ly riêng thì được bố trí thăm gặp tại Phòng y tế; học viên các khu vực xã Quảng Tân và xã Kiến Thành (cách xa nơi thăm gặp) được bố trí xe đưa, đón.

3. Công tác quản lý học viên, trình tự, thủ tục tiếp nhận học viên

3.1. Công tác quản lý học viên

Tình hình học viên cai nghiện ma túy tại Cơ sở:

- Năm 2018: 990 học viên.

- Năm 2019: 1.489 học viên.

- Năm 2020: 1.557 học viên.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

3.2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận học viên

3.2.1. Quy trình bàn giao, tiếp nhận

- Hồ sơ tiếp nhận đảm bảo các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (*sau đây gọi tắt là Nghị định 221/2013/NĐ-CP*), gồm: Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bản sao biên bản đưa người thi hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bản sao tóm tắt lý lịch của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Quy trình bàn giao, tiếp nhận đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Sau khi tiếp nhận, Cơ sở tiến hành kiểm tra sức khỏe và lập hồ sơ bệnh án của học viên để theo dõi, quản lý và có phác đồ điều trị phù hợp.

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở thực hiện quy trình, thủ tục tạm đình chỉ, miễn, giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, trong đó:

+ Có 01 trường hợp tạm đình chỉ chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc do học viên bị bệnh nặng, Cơ sở đã bàn giao học viên cho gia đình quản lý trong thời gian điều trị.

+ Đã đề nghị Tòa án xem xét ban hành quyết định miễn giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc cho 803 học viên.

+ Hồ sơ miễn, giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc bao gồm: Biên bản họp Hội đồng xét duyệt; văn bản của Cơ sở đề nghị Tòa án xem xét, quyết định miễn, giảm; thông báo của Tòa án về thụ lý hồ sơ đề nghị xem xét miễn, giảm; Quyết định của Tòa án về miễn, giảm thời hạn chấp hành cai nghiện bắt buộc.

- Trong thời kỳ thanh tra, có 12 học viên tử vong tại cơ sở y tế ngoài Cơ sở, Giám đốc Cơ sở đã ban hành văn bản thông báo cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ban hành quyết định đưa học viên vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, văn bản gửi cơ sở y tế đề nghị hỗ trợ giám định và thông báo cho người nhà học viên đến nhận thi thể.

- Quy trình, thủ tục chuyển học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện theo yêu cầu của cơ quan tố tụng hình sự: Trong thời kỳ thanh tra, có 48 học viên được Cơ sở chuyển cơ quan tố tụng hình sự (năm 2018: 09 học viên, năm 2019: 29 học viên, năm 2019: 10 học viên); trình tự, thủ tục chuyển học viên đảm bảo theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Cơ sở đã hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng và gửi thông báo về việc học viên chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho UBND cấp xã nơi học viên cư trú, các nhu cầu của học viên cần sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, việc hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng chưa đảm bảo về thời gian trước 03 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP; việc gửi thông báo đối với 1 số học viên chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho UBND cấp xã nơi học viên cư trú, các nhu cầu của học viên cần sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng để xây dựng và thực hiện kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng chưa đảm bảo về thời gian theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, cụ thể: học viên Nguyễn Ngọc Khoa (ngày tái hòa nhập cộng đồng 11/01/2020), học viên Trần Thanh Vũ (ngày tái hòa nhập cộng đồng 21/01/2020), học viên Nguyễn Khánh Nhựt (ngày tái hòa nhập cộng đồng 11/01/2020), học viên Trần Văn Đứng (ngày tái hòa nhập cộng đồng 21/01/2020), học viên Mai Thanh Sơn (ngày tái hòa nhập cộng đồng 20/01/2020), học viên Nguyễn Minh Trọng (ngày tái hòa nhập cộng đồng 11/01/2020). Tất cả học viên trên, Cơ sở hướng dẫn xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng vào ngày 04/01/2020.



- Giám đốc Cơ sở đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận khi học viên chấp hành xong quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định.

3.2.2. Lưu trữ hồ sơ học viên

- Mỗi học viên được lập bộ hồ sơ riêng, có túi đựng, ngoài bì hồ sơ ghi đầy đủ thông tin của học viên; những tài liệu phát sinh trong quá trình rèn luyện, học tập của học viên đều được lưu vào túi hồ sơ.

- Hồ sơ học viên được lưu trữ theo năm, dễ theo dõi, thuận tiện cho công tác tra cứu, kiểm tra khi cần thiết.

4. Việc thực hiện các chế độ đối với học viên

4.1. Chế độ đóng góp: học viên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp.

4.2. Chế độ ăn, mặc và sinh hoạt

- Cơ sở bố trí cho học viên 03 bữa ăn/ngày.

- Thực hiện chế độ ăn, mặc, sinh hoạt của học viên theo Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc do Sở LĐTBXH và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố quản lý (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND*).

4.3. Chế độ cai nghiện, chăm sóc sức khỏe

- Cơ sở đã bố trí khu vực y tế, điều dưỡng riêng biệt, cách xa khu nhà ở của học viên, có tổng diện tích 5.584 m², ngoài Phòng Y tế tại trụ sở chính, trong các Đội/Khu quản lý giáo dục học viên đều bố trí phòng khám, điều trị; Phòng điều trị có tủ thuốc và các dụng cụ y tế cần thiết phục vụ việc sơ cấp cứu ban đầu và điều trị những bệnh thông thường cho học viên. Phòng Y tế gồm 15 cán bộ, trong đó: 02 Bác sỹ, 05 y sỹ, 01 dược sỹ và 07 điều dưỡng viên.

- Quy trình cai nghiện cho học viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT/BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là *Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT/BLĐTBXH-BYT*).

- Khi học viên bị bệnh thông thường, trong khả năng chữa trị tại Cơ sở, Phòng Y tế phối hợp với Đội/Khu quản lý học viên đưa học viên đến điều trị tại Phòng khám, điều trị tại Đội/Khu hoặc đưa đến điều trị tại Phòng Y tế trụ sở chính. Trường hợp vượt quá khả năng, Cơ sở phối hợp với gia đình chuyển học viên lên bệnh viện tuyến trên để chữa trị, chăm sóc.

- Cơ sở đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và tổ chức khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần cho học viên, có lập thành phiếu khám sức khỏe và lưu trong hồ sơ theo dõi sức khỏe của học viên.

- Công tác an toàn, vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh: Cơ sở đã thực hiện lưu mẫu thức ăn hàng bữa trong thời gian 24 giờ theo quy định; định kỳ phun thuốc khử khuẩn tại các khu điều trị, bếp tập thể, phòng ở của học viên và nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thăm gặp; đã xây dựng các phương án phòng, chống ngộ độc

thực phẩm trong các dịp lễ, tết và các phương án xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm. Trong thời kỳ thanh tra, tại Cơ sở không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm.

- Hàng năm, Cơ sở đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền phòng chống lây lan bệnh lao, nhiễm HIV cho toàn bộ học viên và cán bộ.

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở chưa xây dựng các quy chế về dự phòng bệnh lao, nhiễm HIV và mắc STD theo quy định tại tiết e điểm 1.1 khoản Mục II Thông tư liên tịch số 32/2005/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 09/11/2005 của Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế về hướng dẫn phòng, chống lao, HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 32/2005/TTLT-BLĐTBXH-BYT); chưa tham mưu Sở LĐTBXH xây dựng các kế hoạch liên ngành LĐTBXH - Y tế về triển khai hoạt động phòng, chống lao, HIV/AIDS và STD hằng quý, năm theo quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Mục V Thông tư liên tịch số 32/2005/TTLT-BLĐTBXH-BYT.

4.4. *Dạy văn hóa, sinh hoạt văn hóa, hoạt động thể dục, thể thao*

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã phối hợp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Thanh niên xung phong tổ chức cho học viên học văn hóa, phổ cập kiến thức bậc tiểu học, trung học cơ sở, cụ thể: năm học 2017-2018 tổ chức 17 lớp với 429 học viên; năm học 2018-2019 tổ chức 16 lớp với 430 học viên; năm học 2019-2020 tổ chức 05 lớp với 198 học viên.

- Hoạt động phát thanh tuyên truyền, phong trào văn hóa, thể thao được duy trì 03 lượt/tuần, nội dung tuyên truyền: điểm báo, thông tin thời sự quốc tế, trong nước, các thông tin hoạt động diễn tại Cơ sở và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

- Cơ sở đã tổ chức cho học viên tham gia hội thi văn nghệ, thể thao, rèn luyện sức khỏe, giao lưu giữa học viên tại các Đội/Khu quản lý học viên:

+ Năm 2018, tổ chức 40 Hội thi thu hút 1.690 lượt cán bộ, nhân viên và 12.373 lượt học viên tham gia; 13 cuộc giao lưu văn hóa, thể thao với các đơn vị kết nghĩa, các đoàn nghệ thuật đến biểu diễn thu hút 945 lượt cán bộ, nhân viên và 7.590 lượt học viên tham gia.

+ Năm 2019, tổ chức 73 Hội thi thu hút 2.720 lượt cán bộ, nhân viên và 44.720 lượt học viên tham gia; 09 cuộc giao lưu văn hóa, thể thao với các đơn vị kết nghĩa, các đoàn nghệ thuật đến biểu diễn thu hút 630 lượt cán bộ, nhân viên và 1.200 lượt học viên tham gia.

+ 5 tháng đầu năm 2020, tổ chức 33 Hội thi thu hút 520 lượt cán bộ, nhân viên và 16.610 lượt học viên tham gia; 02 lần giao lưu văn hóa, thể thao với các đơn vị kết nghĩa, các đoàn nghệ thuật đến biểu diễn thu hút 120 lượt cán bộ, nhân viên và 360 lượt học viên tham gia.

4.5. *Tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách*

- Đã bố trí Phòng tư vấn, sau giai đoạn cắt cơn, giải độc học viên được học nội quy, quy chế của Cơ sở, những quy định liên quan đến công tác cai nghiện, kiến thức kỹ năng phòng, chống bệnh lây nhiễm, phòng tránh tái sử dụng ma túy.

- Đã thực hiện tư vấn cá nhân và tư vấn nhóm nhằm kịp thời động viên, hỗ trợ giải tỏa những vướng mắc về tâm lý cho học viên; cung cấp những kiến thức liên quan đến sức khỏe, tâm lý, môi trường, xã hội giúp học viên yên tâm sinh hoạt, học tập, cụ thể:

+ Hàng tháng, học viên được tham gia các buổi tiếp xúc, đối thoại với lãnh đạo Cơ sở; tiếp xúc, đối thoại với Ban Chỉ huy Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố 02 lần/năm để bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều trị, học tập, rèn luyện.

+ Duy trì Ban liên lạc thân nhân học viên, đây là cầu nối để Cơ sở kết nối với thân nhân học viên nhằm tuyên truyền các chủ trương, chính sách liên quan đến công tác cai nghiện ma túy, ghi nhận những tâm tư, nguyện vọng của thân nhân học viên để thực hiện công tác vận động thân nhân quan tâm, chăm lo, động viên học viên học tập, rèn luyện.

+ Kết quả hoạt động tư vấn:

Năm	Hình thức tư vấn				Tổng
	Tư vấn cá nhân thân nhân học viên	Tư vấn cá nhân học viên	Tư vấn nhóm thân nhân học viên	Tư vấn nhóm học viên	
2018	162 thân nhân	4.056 học viên	44 lần/2.647 thân nhân	283 lần/9.300 học viên	- Tổng số tư vấn cho học viên là 13.356 lượt - Tổng số tư vấn cho thân nhân học viên là 2.809 lượt
2019	101 thân nhân	1.172 học viên	28 lần/2.246 lượt thân nhân	513 lần/59.256 học viên	- Tổng số tư vấn cho học viên là 60.428 lượt - Tổng số tư vấn cho thân nhân học viên là 2.347 lượt
2020 (Tính đến 31/5/2020)	39 thân nhân	1.966 học viên	7 lần/554 lượt thân nhân	258 lần/4.558 học viên	- Tổng số tư vấn cho học viên là 6.524 lượt - Tổng số tư vấn cho thân nhân học viên là 593 lượt

4.6. Về hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Học viên có nguyện vọng học nghề làm đơn theo mẫu và gửi về bộ phận chuyên môn kiểm tra các thông tin. Nếu học viên đủ điều kiện về trình độ, sức khỏe, đủ số lượng học viên, Giám đốc Cơ sở sẽ quyết định mở lớp. Học viên học nghề không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp kinh phí.

4.6.1. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại Cơ sở được Chỉ huy Lực lượng Thanh niên xung phong giao cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Thanh niên xung phong thực hiện, Cơ sở có trách nhiệm tổ chức duy trì lớp học, chuẩn bị phòng học.

4.6.2. Các nghề đã và đang đào tạo

Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã phối hợp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Thanh niên xung phong tổ chức đào tạo 05 nghề có trình độ sơ cấp cho 2.113 học viên, cụ thể:

TT	Nghề đào tạo	Số học viên được đào tạo		
		2018	2019	2020
1	Kỹ thuật cắt may	233	161	60
2	Điện gia dụng	340	210	90
3	Sửa chữa xe gắn máy	282	199	60
4	Sửa chữa máy vi tính	189	199	60
5	Kỹ thuật xây dựng	0	0	30
Tổng số		1.044	769	300

4.6.3. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất: hiện có 13 phòng vừa lý thuyết và thực hành với diện tích 588 m².

- Thiết bị đào tạo: Do Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Thanh niên xung phong bố trí theo từng lớp học.

4.6.4. Giáo viên dạy nghề

Do Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Thanh niên xung phong bố trí theo từng lớp học.

4.6.5. Thu, chi kinh phí

Do Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Thanh niên xung phong bố trí theo từng lớp học.

4.7. Lao động sản xuất, trị liệu

- Cơ sở tổ chức cho học viên tham gia lao động sản xuất, trị liệu phù hợp với tình trạng sức khỏe và kết quả học tập, rèn luyện, chấp hành nội quy, quy chế của học viên.

- Hoạt động lao động sản xuất, trị liệu gồm:

+ Lao động không có thu: Vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh (áp dụng cho những học viên sức khỏe yếu, khuyết tật, cao tuổi).

+ Lao động có thu: Trồng trọt, chăn nuôi, gia công sản phẩm cho các đơn vị liên kết.

- Kết quả lao động sản xuất của học viên sau khi trừ các chi phí, Cơ sở đã trả công cho học viên theo đơn giá quy định, thu nhập bình quân của 01 học viên được tính theo sản phẩm làm ra, như sau:

+ Trồng rau xanh, điều, sầu riêng, trồng cà phê: từ 23.000 đồng/ngày công đến 25.000 đồng/ngày công.

+ Chăn nuôi lợn, bò, trâu, gà, vịt, cá: 23.000 đồng/ngày công.

+ Gia công bóc vỏ hạt điều: từ 11.250 đồng/kg đến 13.500 đồng/kg.

+ Gia công đan hàng nhựa, khung kim loại: từ 4.000 đồng/sản phẩm đến 70.000 đồng/sản phẩm (tùy theo độ phức tạp của sản phẩm).

+ Các hoạt động khác (phụ căng tin, bếp ăn, hút tóc): 19.000 đồng/ngày công.

- Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thấy có đầy đủ bảng chấm công, danh sách và chữ ký nhận tiền công lao động sản xuất của học viên.

- Tuy nhiên, tại Quyết định số 1713/QĐ-CS1 ngày 31/12/2019 của Giám đốc Cơ sở về lao động sản xuất, trị liệu, chưa thể hiện nội dung "*Học viên được nghỉ lao động trị liệu trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật. Thời gian lao động trị liệu của học viên không quá 04 giờ/ngày. Không tổ chức lao động trị liệu cho học viên trong thời gian cắt cơn giải độc. Học viên có nhu cầu và tự nguyện lao động để có thu nhập thì cơ sở cai nghiện tổ chức cho học viên lao động*" theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP*).

4.8. Quy định về thân nhân thăm gặp

- Cơ sở đã bố trí khu nhà chờ và khu thăm gặp thân nhân của học viên, giữa học viên và thân nhân có vách kính ngăn cách, không tiếp xúc trực tiếp để phòng ngừa tình trạng thăm lậu.

- Cơ sở đã ban hành quy chế về hoạt động thăm, gặp giữa gia đình học viên và học viên tại Quyết định số 1774/QĐ-CS1 ngày 29/11/2018 của Giám đốc Cơ sở (sau đây gọi tắt là Quy chế thăm gặp). Tuy nhiên, trong Quy chế thăm gặp có nội dung: "*thăm gặp đối với vợ, chồng học viên phải có kế hoạch cụ thể trình và được Ban chỉ huy Lực lượng thanh niên xung phong chấp thuận trước khi thực hiện*" là không phù hợp với khoản 1 Điều 28 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Đã quy định chế độ thăm gặp vợ hoặc chồng, đã bố trí phòng thăm gặp riêng cho học viên có vợ hoặc chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Thân nhân học viên được cấp sổ theo dõi thăm gặp; thân nhân là bố, mẹ, anh, chị, em ruột, vợ (chồng), con có tên trong sổ mới được thăm gặp (trường hợp không có tên trong sổ thăm gặp phải có sự đồng ý của lãnh đạo Cơ sở).

4.9. Học viên về chịu tang hoặc lý do chính đáng khác: Khi có bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con qua đời, học viên được phép về chịu tang; thời gian về chịu tang hoặc lý do chính đáng khác tối đa 05 ngày (không kể thời gian đi đường) và được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

4.10. Tiếp nhận quà, đồ dùng thiết yếu, tiền lưu ký

- Về tiếp nhận quà, đồ dùng thiết yếu: Cơ sở lập sổ theo dõi đồng thời cập nhật trên máy tính để tổng hợp; sau khi tiếp nhận quà, đồ dùng thiết yếu, bộ phận tiếp nhận tiến hành bàn giao cho các Đội/Khu quản lý học viên để chuyển đến học viên; học viên không được tiếp nhận trực tiếp từ thân nhân để tránh thăm lậu các vật phẩm bị cấm.

- Về tiền lưu ký: Cơ sở tiếp nhận tiền gửi cho học viên thông qua Văn phòng liên lạc tại 708 Lạc Long Quân, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và tại khu thăm gặp học viên khi thân nhân đến thăm gặp hoặc thực hiện gửi vào tài khoản của học viên theo Thông báo số 170/TB-CS1 ngày 09/3/2019 của Giám đốc Cơ sở về việc nhận tiền gửi sinh hoạt phí cho học viên qua tài khoản ngân hàng.

4.11. Công tác bình xét, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật học viên

- Mỗi học viên có sổ theo dõi quá trình học tập, rèn luyện; Cơ sở thực hiện bình xét, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật học viên theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BLĐT BXH.

- Giám đốc Cơ sở đã ban hành Quyết định số 1765/QĐ-CS1 ngày 16/11/2018 về công tác khen thưởng, kỷ luật đối với học viên; Quyết định số 1764/QĐ-CS1 ngày 16/11/2018 về thành lập Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật học viên; Quyết định số 1773/QĐ-CS1 ngày 29/11/2018 về ban hành quy định đánh giá, xếp loại học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1.

- Hàng tháng, quý, các Đội/Khu quản lý học viên tổ chức sinh hoạt để đánh giá kết quả rèn luyện, học tập, lao động của từng học viên và bình bầu, xếp loại theo 04 mức: tốt, khá, trung bình và yếu.

- Vào thứ bảy tuần cuối của mỗi tháng, các Đội/Khu quản lý học viên tiến hành họp bình xét, xếp loại học viên; căn cứ vào tiêu chí xếp loại học viên, từng học viên tự đánh giá xếp loại cho bản thân, sau đó thành viên các Đội/Khu quản lý học viên nhận xét và biểu quyết thông qua. Việc bình xét được lập thành biên bản có chữ ký của Đội trưởng hoặc Trưởng khu quản lý học viên và cán bộ phụ trách.

- Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có học viên thuộc diện được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại, Giám đốc Cơ sở lập hồ sơ và tổ chức họp Hội đồng xem xét đối với từng học viên. Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã đề nghị Tòa án xem xét ra quyết định miễn, giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc cho 803 học viên.

- Trong kỳ thời thanh tra, Cơ sở có 25 học viên bị kỷ luật phê bình; 253 học viên bị kỷ luật cảnh cáo; 53 học viên bị kỷ luật cách ly tại phòng kỷ luật (năm 2018: 36 học viên, năm 2019: 10 học viên, 5 tháng đầu năm 2020: 07 học viên).

5. Công tác quản lý tài chính (chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo)

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác

6.1. Trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho cán bộ

- Công tác quản lý, bảo quản, sử dụng, thanh lý, tiêu hủy công cụ hỗ trợ: Cơ sở đã thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA ngày 29/12/2006 của Bộ LĐTBXH, Bộ Công an hướng dẫn công tác phối hợp đảm bảo an ninh trật tự và trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA).

- Cơ sở được trang bị các loại công cụ hỗ trợ gồm: 12 súng bắn đạn cao su, 23 roi điện, 40 roi cao su, 62 gậy sắt, 17 ống nhôm, 49 còng số 8 là, 10 khiên, 139 bộ

đàm, 10 găng tay bắt dao, 10 áo chống đạn, 04 mặt nạ, 01 loa cầm tay, 33 bình xịt hơi cay. Các loại công cụ hỗ trợ nêu trên đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng. Cơ sở đã mở sổ theo dõi về quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ.

- Hàng năm, Cơ sở đã đề nghị Công an tỉnh Đắk Nông cấp đổi lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định.

- Giám đốc Cơ sở đã ban hành quy định quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ tại Quyết định số 767/QĐ-CS1 ngày 17/5/2018. Cá nhân được trang bị công cụ hỗ trợ đã được tập huấn nghiệp vụ bảo vệ, có kinh nghiệm, thành thạo trong sử dụng, bảo quản công cụ hỗ trợ được giao.

6.2. Phối hợp bảo đảm an ninh trật tự

- Cơ sở đã xây dựng phương án phối hợp hỗ trợ an ninh trật tự với các đơn vị: Công an xã Đắk R'Tiê, Công an xã Quảng Tân, Công an xã Kiến Thành, Công an huyện Tuy Đức, Công an huyện Đắk R'Lấp

- Cơ sở lập hòm thư tố giác vi phạm, số điện thoại đường dây nóng theo quy định tại điểm 1.6 khoản 1 Mục I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

- Định kỳ hàng tháng, Cơ sở cung cấp cho công an cấp xã nơi Cơ sở trú đóng về số lượng học viên hiện có và danh sách học viên mới tiếp nhận, học viên chấp hành xong quyết định xử lý; thông báo cho công an cấp xã nơi học viên cư trú để quản lý, giáo dục, tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở chưa thực hiện chủ trì, tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng với công an cấp xã nơi Cơ sở trú đóng để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự và thống nhất biện pháp bảo đảm an ninh trật tự theo quy định tại Điểm 1.4 Mục 1 Phần I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

7. Công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo

Trong thời kỳ thanh tra, tại Cơ sở không nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

8. Hoạt động thanh tra, kiểm tra

8.1. Tự kiểm tra

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã tổ chức tự kiểm tra 489 lượt với nội dung: kiểm tra về công tác quản lý học viên; công tác quản lý, sử dụng chất cấm; công tác phòng cháy, chữa cháy tại các Đội/Khu quản lý học viên; tình hình ăn, ở, sinh hoạt của học viên; công tác đảm bảo an ninh, trật tự.

8.2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở được Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện 04 đợt kiểm tra về trang cấp chăn, màn, chiếu gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho học viên; kiểm tra công tác quyết toán tài chính năm 2018 và năm 2019.

- Năm 2020, Chi cục thuế khu vực Đắk R'Lấp - Tuy Đức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế và bị xử phạt vi phạm hành chính tại

Quyết định số 461/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực ĐắkR'lấp - Tuy Đức với số tiền là 39.426.185 đồng, tại thời điểm thanh tra, Cơ sở đã nộp phạt và khắc phục sai phạm.

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về quản lý cai nghiện ma túy đã được thực hiện

1.1. Giám đốc Cơ sở đã ban hành các văn bản về quản lý, điều hành hoạt động của Cơ sở; chế độ quản lý, học tập, rèn luyện, sinh hoạt của học viên và các văn bản có liên quan.

1.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy của Cơ sở đảm bảo thực hiện chức năng quản lý cai nghiện ma túy.

1.3. Đã thực hiện chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp cho công chức, viên chức và người lao động; đã thực hiện việc nâng lương định kỳ, nâng lương trước thời hạn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ hàng năm, nghỉ, nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương và không hưởng lương cho công chức, viên chức và người lao động theo quy định.

1.4. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công chức, viên chức và người lao động theo quy định.

1.5. Về cơ sở vật chất, điều kiện môi trường, diện tích đất sử dụng, các hạng mục công trình xây dựng của Cơ sở đảm bảo điều trị, cai nghiện ma túy cho học viên.

1.6. Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT.

1.7. Đã thực hiện quan trắc, thống kê, lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường theo Điều 9 Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT.

1.8. Đã bố trí phòng cắt con; phòng điều trị; phòng cách ly; phòng thăm gặp thông thường; nhà bếp; nhà ăn; căng tin dành cho học viên; khu lao động sản xuất; khu sinh hoạt văn hóa thể thao.

1.9. Đã quản lý, theo dõi tình hình học viên qua các năm.

1.10. Thực hiện quy trình, thủ tục tiếp nhận học viên vào Cơ sở đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 221/2013/NĐ-CP.

1.11. Hồ sơ học viên cai nghiện bắt buộc đã đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.12. Thực hiện quy trình, thủ tục tạm đình chỉ, miễn, giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.13. Vệc tạm thời đưa học viên ra khỏi Cơ sở theo yêu cầu của cơ quan tố tụng hình đã đảm bảo theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.14. Đã hỗ trợ học viên tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.



1.15. Giám đốc Cơ sở đã cấp giấy chứng nhận khi học viên chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo khoản 1 Điều 31 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.16. Đã lưu trữ hồ sơ của từng học viên, trong hồ sơ đã lưu các tài liệu liên quan đến diễn biến quá trình học tập, rèn luyện của học viên. Hồ sơ được lưu trữ theo năm, để theo dõi, khai thác và quản lý.

1.17. Đối với 12 học viên tử vong trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Cơ sở đã thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.18. Chế độ ăn, mặc và sinh hoạt của học viên cai nghiện bắt buộc đã được Cơ sở thực hiện theo Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND.

1.19. Đã thực hiện sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện đối với học viên để xây dựng và thực hiện kế hoạch cai nghiện phù hợp, học viên được tư vấn, được tham gia sinh hoạt nhóm nhằm giúp họ thay đổi hành vi, nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết tình huống gặp phải trong quá trình cai nghiện và kỹ năng phòng chống tái nghiện; đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho học viên và tổ chức khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần, việc khám sức khỏe định kỳ được Cơ sở lập thành phiếu khám sức khỏe và lưu trong hồ sơ theo dõi sức khỏe của học viên, trường hợp học viên bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của Cơ sở thì được chuyển tới cơ sở y tế hoặc đưa về gia đình để chữa trị, chăm sóc theo Điều 23 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.20. Đã thực hiện lưu mẫu thức ăn theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

1.21. Đã xây dựng các phương án phòng, chống ngộ độc thực phẩm trong các dịp lễ, tết và các phương án xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm. Trong thời kỳ thanh tra, tại Cơ sở không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm.

1.22. Đã tổ chức học văn hóa cho học viên theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP. Năm học 2017-2018: 479 học viên, năm học 2018-2019: 430 học viên, năm học 2019-2020: 198 học viên.

1.23. Đã phối hợp tổ chức học nghề cho học viên theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP. Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở đã phối hợp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Lực lượng thanh niên xung phong tổ chức học nghề cho 2.113 học viên.

1.24. Đã duy trì hoạt động phát thanh tuyên truyền, nội dung tuyên truyền: điểm báo, thông tin thời sự quốc tế, trong nước, các thông tin hoạt động diễn ra tại Cơ sở và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố. Đã tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, giao lưu văn nghệ, thể dục, thể thao giữa cán bộ Cơ sở với học viên, giữa học viên với học viên nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho học viên tại Cơ sở đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.25. Đã tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm cho học viên và thân nhân của học viên, giúp học viên, và thân nhân học viên tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn để học viên an tâm điều trị, rèn luyện, học tập.



1.26. Đã lựa chọn các công việc phù hợp cho học viên tham gia lao động sản xuất, trị liệu dựa trên sức khỏe, tình hình chấp hành nội quy, quy chế về cai nghiện của học viên theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP. Học viên tham gia lao động sản xuất được nhận tiền công (do Cơ sở quy định) theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.27. Đã ban hành Quy chế thăm, gặp giữa học viên và thân nhân, đã bố trí phòng gặp riêng giữa thân nhân và học viên, đã bố trí phòng thăm gặp giữa vợ chồng học viên theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP. Đã cấp sổ thăm gặp cho thân nhân học viên.

1.28. Đã ban hành Quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với học viên, Quyết định thành lập Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật học viên, Quyết định về đánh giá, xếp loại học viên và tiến hành họp bình xét, xếp loại đối với học viên đảm bảo theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.29. Cơ sở đã xây dựng phương án phối hợp hỗ trợ an ninh trật tự với các đơn vị: Công an xã Đắc R'Tiê, Công an xã Quảng Tân, Công an xã Kiên Thành, Công an huyện Tuy Đức, Công an huyện Đắc R'Lấp

1.30. Cơ sở lập hòm thư tố giác vi phạm, số điện thoại đường dây nóng theo quy định tại điểm 1.6 khoản 1 Mục I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

1.31. Định kỳ hàng tháng, Cơ sở cung cấp cho công an cấp xã nơi Cơ sở trú đóng về số lượng học viên hiện có và danh sách học viên mới tiếp nhận, học viên chấp hành xong quyết định xử lý; thông báo cho công an cấp xã nơi học viên cư trú để quản lý, giáo dục, tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Mục I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

1.32. Đã trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định tại Mục II Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

1.33. Cơ sở đã tổ chức tự kiểm tra 489 lượt, nội dung kiểm tra: về công tác quản lý học viên; công tác quản lý, sử dụng chất cấm; công tác phòng cháy, chữa cháy tại các Đội/Khu quản lý học viên; tình hình ăn, ở, sinh hoạt của học viên; công tác đảm bảo an ninh, trật tự.

2. Những quy định của pháp luật về quản lý cai nghiện ma túy chưa được Cơ sở thực hiện

2.1. Chưa thực hiện chi trả phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy theo Điều 7 Nghị định số 26/2016/NĐ-CP.

2.2. Chưa xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế về dự phòng bệnh lao, nhiễm HIV và mắc STD theo quy định tại tiết e điểm 1.1 khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 32/2005/TTLT-BLĐT BXH-BYT.

2.3. Chưa tham mưu Sở LĐTBXH Thành phố xây dựng các kế hoạch liên ngành LĐTBXH - Y tế về triển khai hoạt động phòng, chống lao, HIV/AIDS và STD theo quý, năm theo quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Mục V Thông tư liên tịch số 32/2005/TTLT-BLĐT BXH-BYT.

2.4. Việc hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng chưa đảm bảo thời gian trước 03 tháng theo quy định tại khoản 1, Điều 30 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2.5. Tại Quyết định số 1774/QĐ-CS1 ngày 29/11/2018 của Giám đốc Cơ sở về Quy chế thăm gặp, có nội dung: “*thăm gặp đối với vợ, chồng học viên phải có kế hoạch cụ thể trình và được Ban chỉ huy Lực lượng thanh niên xung phong chấp thuận trước khi thực hiện*” là không phù hợp với khoản 1 Điều 28 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

2.6. Tại Quyết định số 1713/QĐ-CS1 ngày 31/12/2019 của Giám đốc Cơ sở về lao động sản xuất, trị liệu, chưa thể hiện nội dung “*Học viên được nghỉ lao động trị liệu trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật. Thời gian lao động trị liệu của học viên không quá 04 giờ/ngày. Không tổ chức lao động trị liệu cho học viên trong thời gian cắt cơn giải độc. Học viên có nhu cầu và tự nguyện lao động để có thu nhập thì cơ sở cai nghiện tổ chức cho học viên lao động*” theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.

2.7. Chưa tiến hành chủ trì, tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng với công an cấp xã nơi Cơ sở trú đóng để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự và thống nhất biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian tiếp theo quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Mục I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐT BXH-BCA.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy số 1

Khắc phục các hạn chế, thiếu sót nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này, cụ thể:

1.1. Thực hiện chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và các cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo Điều 7 Nghị định số 26/2016/NĐ-CP.

1.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế về dự phòng bệnh lao, nhiễm HIV và mắc STD theo quy định tại tiết e điểm 1.1 khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 32/2005/TTLT-BLĐT BXH-BYT.

1.3. Chủ động tham mưu Sở LĐT BXH Thành phố xây dựng các kế hoạch liên ngành LĐT BXH, Y tế về triển khai hoạt động phòng, chống lao, HIV/AIDS và STD tại cơ sở theo quý, năm theo quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Mục V Thông tư liên tịch số 32/2005/TTLT-BLĐT BXH-BYT.

1.4. Thực hiện hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng phải đảm bảo về thời gian trước 03 tháng theo quy định tại khoản 1, Điều 30 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.5. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1774/QĐ-CS1 ngày 29/11/2018 của Giám đốc Cơ sở quy định tổ chức thăm gặp cho học viên theo đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 14/2014/TT-BLĐT BXH và khoản 1 Điều 28 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

1.6. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1713/QĐ-CS1 ngày 31/12/2019 của Giám đốc Cơ sở về lao động sản xuất, trị liệu đảm bảo các chế độ lao động cho học viên theo quy định khoản 8 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.

1.7. Tiến hành chủ trì, tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng với công an cấp xã nơi cơ sở trú đóng để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự và thống nhất biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian tiếp theo quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Mục I Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTĐBXH-BCA.

2. Đối với Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ đạo Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1 thực hiện các kiến nghị tại Kết luận thanh tra này; thông báo những hạn chế, thiếu sót của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tới các cơ sở cai nghiện ma túy còn lại do Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh quản lý để tự rà soát, chấn chỉnh nhằm nâng cao chất lượng việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cai nghiện ma túy tại địa phương.

V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

1. Giám đốc Cơ sở Cai nghiện ma túy Số 1 thực hiện ngay các kiến nghị nêu tại khoản 1 Mục IV Kết luận thanh tra này, báo cáo Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên.

2. Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 (kèm theo các tài liệu chứng minh) báo cáo Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ số 02 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm - Hà Nội trước ngày 20/8/2020./.

Nơi nhận:

- Chỉ huy Lực lượng Thanh niên xung phong TP. Hồ Chí Minh (để t/h & chỉ đạo);
- Cơ sở CNMT số 1 (để t/h);
- Sở LĐTBXH TP. Hồ Chí Minh (để ph/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục PCTNXH (để ph/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Thị Minh Thu

Phụ lục Danh mục văn bản do các cơ quan nhà nước ban hành

1. Văn bản của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 17/9/2019 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về hội nghị đánh giá thực trạng tình hình công tác phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về ma túy trên địa bàn Thành phố thời gian qua và giải pháp trong thời gian tới.

- Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07/12/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động tại các cơ sở xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong quản lý và Bệnh viện Nhân Ái thuộc Sở Y tế.

- Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý.

- Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chế độ hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày Lễ, Tết cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định đang quản lý tại các cơ sở xã hội, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái và hỗ trợ vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn.

- Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 13/07/2019 Về chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ.

2. Văn bản do UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

- Kế hoạch số 2137/KH-UBND ngày 15/5/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2018 của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Kế hoạch số 2245/KH-UBND ngày 31/5/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện “tháng hành động phòng, chống ma túy” “ngày Quốc tế phòng chống ma túy” và “ngày toàn dân phòng chống ma túy 26 tháng 6” năm 2018.

- Kế hoạch số 5869/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phân công chăm lo Tết Kỷ Hợi năm 2019 cho học viên và cán bộ nhân viên tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội của thành phố.

- Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức lại “Trường GDĐT và GQVL số 1” thành “Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1” thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố.

- Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai điều trị nghiện các chất dạng thuốc

phiện bằng thuốc Methadone cho học viên tại các cơ sở cai nghiện ma túy của thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 1459/VP-VX ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì nâng cao chất lượng triển khai thực hiện Chương trình điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone trên địa bàn Thành phố.

- Kế hoạch số 1581/KH-UBND ngày 02/5/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2019 của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống ma túy, mại dâm trên địa bàn Thành phố.

- Kế hoạch số 2246/KH-UBND ngày 05/6/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện “Tháng hành động phòng, chống ma túy”, “Ngày Quốc tế phòng, chống ma túy” và “Ngày toàn dân phòng, chống ma túy 26 tháng 6” năm 2019.

- Công văn số 2486/VP-VX ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng cường phòng, chống kiểm soát ma túy và quản lý người nghiện ma túy tại cộng đồng dân cư.

- Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập “Cơ sở Tư vấn và cai nghiện ma túy Bình Triệu” trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tổ chức lại “Cơ sở cai nghiện ma túy Bình Triệu” và “Cơ sở cai nghiện ma túy Thủ Đức”.

- Kế hoạch số 4261/KH-UBND ngày 07/11/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai Tháng Hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2019 và hưởng ứng Ngày thế giới phòng, chống AIDS ngày 01 tháng 12 năm 2019.

- Kế hoạch số 4768/KH-UBND ngày 18/11/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Dự án “nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy tại xã, phường, thị trấn” đến năm 2020”

- Kế hoạch số 5038/KH-UBND ngày 04/12/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc Lãnh đạo Thành phố đi thăm các cơ sở cai nghiện ma túy.

- Kế hoạch số 5040/KH-UBND ngày 04/12/2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công chăm lo Tết nguyên đán Canh Tý năm 2020 cho học viên và cán bộ, nhân viên tại cơ sở cai nghiện ma túy và Cơ sở xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kế hoạch số 1841/KH-UBND ngày 20/5/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm và chương trình công tác năm 2020 của UBQG PC AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trên địa bàn Thành phố.

3. Văn bản do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

- Kế hoạch số 2508/KH-SLĐTBXH ngày 30/01/2018 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức kiểm tra các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội năm 2018.

- Công văn số 8003/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 04/4/2018 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác quản lý đảm bảo an ninh trật tự phòng, chống cháy nổ tại các Cơ sở cai nghiện ma túy trong dịp Lễ 30/4 ngày Quốc tế Lao động 01/5/2018.

- Công văn số 98273/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 23/4/2018 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về đề nghị tổ chức các suất biểu diễn nghệ thuật và xiếc tạp kỹ cho học viên tại cơ sở cai nghiện ma túy.

- Công văn số 10725/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 04/5/2018 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai Hội thao học viên tại các cơ sở cai nghiện ma túy năm 2018.

- Kế hoạch số 10720/KH-SLĐTBXH ngày 04/5/2018 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về triển khai điều trị nghiện các chất dạng thuốc bằng thuốc Methadone cho học viên tại các Cơ sở cai nghiện ma túy.

- Kế hoạch số 14657/KH-SLĐTBXH ngày 12/6/2018 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện hưởng ứng “tháng hành động phòng, chống ma túy”, “ngày Quốc tế phòng, chống ma túy” và “ngày toàn dân phòng chống ma túy 26 tháng 6” - năm 2018.

- Công văn số 21733/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 10/8/2018 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác đảm bảo tuyệt đối tình hình an ninh trật tự tại các Cơ sở cai nghiện trên địa bàn Thành phố.

- Kế hoạch số 26609/KH-SLĐTBXH ngày 03/10/2018 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên tại các cơ sở cai nghiện ma túy năm 2018.

- Kế hoạch số 28130/KH-SLĐTBXH ngày 17/10/2018 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, giáo dục tại các Cơ sở cai nghiện ma túy năm 2018.

- Công văn số 34454/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 21/12/2018 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về đảm bảo an ninh trật tự và các hoạt động trước trong và sau Tết dương lịch Tết nguyên đán kỷ hội 2019 tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội.

- Kế hoạch số 529/KH-SLĐTBXH ngày 07/01/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về kiểm tra các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố năm 2019.

- Kế hoạch số 6831/KH-SLĐTBXH ngày 14/3/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố.

- Công văn số 9205/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 04/4/2019 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về đảm bảo an ninh trật tự và các hoạt động trước trong và sau lễ giỗ toor Hùng Vương, ngày thống nhất đất nước 30/4, ngày Quốc tế Lao động 01/5 tại các cơ sở Cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội.

- Kế hoạch số 12494/KH-SLĐTBXH ngày 08/5/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về làm việc với địa phương về công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng; kiểm tra các cơ sở xã hội về công tác triển khai Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Kế hoạch số 18595/KH-SLĐTBXH ngày 18/6/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện hưởng ứng “tháng hành động phòng, chống ma túy”, “ngày Quốc tế phòng chống ma túy” và “ngày toàn dân phòng chống ma túy 26 tháng 6” - năm 2019 trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Kế hoạch số 26855/KH-SLĐTBXH ngày 16/8/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn và phát triển các điểm, tổ tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố.

- Công văn số 29372/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 06/9/2019 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn tạm thời thành lập và tổ chức hoạt động điểm, tổ tư vấn, chăm sóc hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố.

- Kế hoạch số 30588/KH-SLĐTBXH ngày 16/9/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cho cán bộ, nhân viên tại các cơ sở cai nghiện ma túy năm 2019.

- Kế hoạch số 33503/KH-SLĐTBXH ngày 07/10/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, giáo dục tại các cơ sở cai nghiện ma túy năm 2019.

- Công văn số 649/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 06/01/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc góp ý dự thảo chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị.

- Công văn số 2191/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 16/01/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác quản lý người nghiện ma túy đảm bảo ANTT trong dịp Tết nguyên đán Canh Tý 2020 trên địa bàn Thành phố.

- Công văn số 3713/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 07/02/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn việc ủy quyền ký quyết định thành lập điểm, tổ tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng và thành lập, giải thể đội công tác xã hội tình nguyện trên địa bàn Thành phố.

- Công văn số 5433/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 24/02/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về thống kê nhu cầu vay vốn của các đối tượng theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ trong năm 2020.

- Công văn số 6093/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 27/02/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc thanh tra các cơ sở cai nghiện ma túy của Thành phố.

- Kế hoạch số 6345/KH-SLĐTBXH ngày 28/02/2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về kiểm tra về công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội trên địa bàn Thành phố năm 2020.

- Công văn số 7514/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 10/3/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường các biện pháp đảm bảo phòng chống dịch covid 19 tại cơ sở xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy.

- Công văn số 8974/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 23/3/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc góp lần 2 tờ trình về chế độ hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cai nghiện ma túy ngoài công lập trên địa bàn Thành phố.

- Công văn số 9337/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 26/3/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án xây dựng và triển khai hệ thống quản lý và theo dõi người nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố.

- Công văn số 10652/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 17/4/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về công tác đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau Lễ 30/4 và Quốc tế lao động 01/5 tại các cơ sở cai nghiện ma túy.

- Tờ trình số 11208/TTr-SLĐTBXH ngày 28/4/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng, tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập thực hiện thí điểm trên địa bàn Thành phố.

- Kế hoạch số 13211/KH-SLĐTBXH ngày 28/5/2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện hưởng ứng “tháng hành động phòng, chống ma túy”, “ngày Quốc tế phòng chống ma túy” và “ngày toàn dân phòng chống ma túy 26 tháng 6” năm 2020 trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Công văn số 14124/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 09/6/2020 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ tiếp nhận người nghiện ma túy của quận, huyện vào các cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thuộc Sở.

4. Văn bản do Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

- Quyết định số 598/QĐ-TNXP ngày 05/10/2017 của Chỉ huy trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 trực thuộc Lực lượng TNXP thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 920/TNXP-XH ngày 7/11/2017 của Chỉ huy trưởng về hướng dẫn xây dựng nội quy học viên, người cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy, Cơ sở xã hội Nghị Xuân.

- Công văn số 716/TNXP-XH ngày 17/9/2018 của Chỉ huy trưởng về hướng dẫn xây dựng quy định quản lý người cai nghiện ma túy tại các Cơ sở trực thuộc Lực lượng Thanh niên Thành phố.

- Quyết định số 218/QĐ-TNXP ngày 03/5/2019 của Chỉ huy trưởng về việc ban hành Quy trình cai nghiện bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện ma túy trực thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 297/QĐ-TNXP ngày 10/7/2019 của Chỉ huy trưởng về việc ban hành quy định quản lý giáo dục học viên tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội nghị xuân trực thuộc lực lượng thanh niên xung phong thành phố Hồ Chí Minh.

5. Văn bản do Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1 ban hành

- Quyết định số 379/QĐ-CS1 ngày 06 /10/ 2017 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám đốc.

- Quyết định số 854/QĐ-CS1 ngày 30/12/2017 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018

- Quyết định số 334/QĐ-CS1 ngày 21/3/ 2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019

- Quyết định số 27/QĐ-CS1 ngày 18/01/2020 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020

- Quyết định số 1570/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Phòng TC-HC

- Quyết định số 1571/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Phòng KH-TC

- Quyết định số 1572/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Phòng GD-TV

- Quyết định số 1573/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Phòng Y tế

- Quyết định số 1574/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Đội SX-DV-ĐS.

- Quyết định số 1575/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu Kiến Thành.

- Quyết định số 1576/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Đội QL-GDHV.

- Quyết định số 1577/QĐ-CS1 ngày 27/11/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Đội Bảo vệ

- Quyết định số 1601/QĐ-CS1 ngày 07/12/2019 của Giám đốc về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu Quảng Tân.

Phụ lục số 01
Diện tích sử dụng tại Cơ sở

TT	Tên công trình	Số phòng, công trình	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Diện tích nhà, xưởng		77.341	
1	Khu hành chính I	01	350	
2	Khu hành chính II	01	400	
3	Khu Y tế (Điều dưỡng)	03	5.584	
4	Khu dạy nghề	03	1.315	
5	Nhà ăn sinh hoạt chung	23	5.853	
6	Nhà ở học viên	98	30.906	
7	Nhà bảo vệ công	21	134	
8	Nhà làm việc bảo vệ	01	167	
9	Khu cách ly lao	02	252	
10	Nhà ở nhân viên		1.136	
11	Hội trường	03	850	
12	Nhà ăn cán bộ nhân viên	04	300	
13	Nhà xe	06	408	
14	Khu thăm nuôi, nhà chờ	24	1.781	
15	Văn phòng liên lạc	01	125	
16	Xưởng gia công điều, đan dây nhựa	07	7.680	
17	Khu chăn nuôi	02	20.100	
II	Diện tích công trình khác (đường đất nội bộ, sân banh, sân chơi, bồn hoa...)		10.100	
III	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp		1.840.500	
1	Khu trồng điều cao sản		379.500	
2	Khu trồng cà phê		1.421.000	
3	Khu trồng cây ăn trái		20.000	
4	Khu trồng rau xanh		20.000	
IV	Diện tích lộ giới		113.000	



Phụ lục 2
Tình hình học viên cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai
nghiện ma túy qua các năm

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng số học viên (cuối kỳ báo cáo), trong đó	990	1489	1557
	Nam	990	1489	1557
	Nữ	0	0	0
	Theo NĐ 135	0	1	1
	Theo NĐ 221	990	1488	1556
1	Năm trước chuyển sang	1340	990	1489
1.1	Nam	1340	990	1489
1.2	Nữ	0	0	0
1.3	Theo NĐ 135	2	1	1
1.4	Theo NĐ 221	1338	989	1488
2	Tổng số học viên vào cơ sở trong năm	680	1336	586
2.1	Nam	680	1336	586
2.2	Nữ	0	0	0
2.3	Vào mới theo NĐ 135	0	1	0
2.4	Vào mới theo NĐ 221	678	1334	586
2.5	Trốn, trở lại	0	0	0
2.6	Đi viện, trở lại	2	1	0



2.7	Về chịu tang, trở lại	0	0	0
2.8	Khác	0	0	0
3	Tổng số học viên ra trong năm	1030	837	518
3.1	Nam	1030	837	518
3.2	Nữ	0	0	0
3.3	Ra đúng thời hạn	780	496	279
3.4	Ra trước thời hạn	228	313	229
3.5	Trốn, không trở lại	0	0	0
3.6	Đi viện, không trở lại	2	1	0
3.7	Về chịu tang, không trở lại	0	1	0
3.8	Khác	20	26	10



Phụ lục số 03: Công tác quản lý tài chính của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1

5.1. Tình hình thu của Cơ sở

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung thu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Năm trước chuyển sang	1.093.286	2.142.807	1.759.650
II	Ngân sách nhà nước cấp	66.477.859	65.283.995	15.282.851
1	Chi thường xuyên	57.950.184	62.452.158	14.689.992
2	Mua sắm trang thiết bị	1.951.063	155.338	
3	Chi khác	6.576.612	2.676.499	592.859
III	Nguồn khác	35.343.436	38.118.569	14.077.589
1	Hoạt động trồng trọt, chăn nuôi	16.571.494	19.506.813	6.287.559
2	Hoạt động gia công	3.559.853	3.716.497	837.107
3	Hoạt động căng tin	12.807.287	12.471.267	6.760.901
4	Chi vận chuyển thăm nuôi	613.364	565.636	124.639
5	Trại heo liên kết	1.500.000	1.500.000	
6	Thu khác (tủ thuốc DV)	291.438	358.356	67.383
Tổng thu		102.914.581	105.545.371	31.120.090

(Ghi chú: năm 2018, 2019 tính đến ngày 31/12 hàng năm; năm 2020 tính đến thời điểm báo cáo).

5.2. Tình hình chi tại Cơ sở

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Tiền lương và phụ cấp cho cán bộ, viên chức, người lao động	34.123.398	40.285.019	14.689.992
II	Mua sắm trang thiết bị	1.951.063	155.338	
III	Các nội dung khác	6.576.612	2.676.499	74.486
IV	Chi cho học viên	22.777.266	22.550.296	12.049.786
1	Tiền ăn	18.312.511	18.652.959	10.916.626
2	Tiền thuốc chữa bệnh	384.249	388.064	74.486
3	Chi phí y tế viện phí	373.207	543.341	147.047

TT	Nội dung chi	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
4	Đồ dùng sinh hoạt cá nhân	1.170.832	1.851.559	901.822
5	Hoạt động văn thể	48.430	80.825	
6	Hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng		300	250
7	Chi phí mai táng cho học viên chết		5.000	
8	Chi vật rẻ tiền mau hỏng	199.955	201.649	9.556
9	Chi khác	2.288.082	826.599	
I	Chi khác	31.631.023	35.302.136	12.215.519
1	Hoạt động trồng trọt, chăn nuôi	13.459.568	17.333.819	5.116.100
2	Hoạt động gia công	3.559.853	3.716.497	1.452.396
3	Hoạt động căng tin	11.447.308	11.309.663	5.510.469
4	Chi vận chuyển thăm nuôi	549.965	512.224	76.858
5	Trại heo liên kết	2.326.230	2.087.510	
6	Thu khác (tủ thuốc DV)	288.099	342.423	59.696
Tổng chi		97.059.362	100.969.288	39.029.783

(Ghi chú: năm 2018, 2019 tính đến ngày 31/12 hàng năm; năm 2020 tính đến thời điểm báo cáo)./.